

MÔN: NGỮ VĂN- LỚP 7

(Thời gian làm bài: 90 phút không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU: (5.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*Cái mạnh của người Việt Nam ta là sự cần cù, sáng tạo. Điều đó thật hữu ích trong một nền kinh tế đòi hỏi tinh thần kỷ luật rất cao và thái độ rất nghiêm túc đối với công cụ và quy trình lao động với những máy móc, thiết bị rất tinh vi. Tiếc rằng ngay trong mặt mạnh này của chúng ta cũng lại ẩn chứa những khuyết tật không tương tác chút nào với một nền kinh tế công nghiệp hoá chứ chưa nói tới nền kinh tế tri thức. Người Việt nam ta cần cù thì cần cù thật nhưng lại thiếu đức tính tỉ mỉ. Khác với người Nhật vốn cũng nổi tiếng cần cù lại thường rất cẩn trọng trong khâu chuẩn bị công việc, làm cái gì cũng tính toán chi li từ đầu, người Việt Nam ta thường dựa vào tính tháo vát của mình, hành động theo phương châm “nước đến chân hãy nhảy”, “liệu cơm gắp mắm”. Do còn chịu ảnh hưởng nặng nề của phương thức sản xuất nhỏ và cách sống ở nơi thôn dã vốn thoải mái và thanh thản nên **người Việt Nam** chưa có được thói quen tôn trọng những quy định nghiêm ngặt của công việc là cường độ khẩn trương. Ngay bản tính “sáng tạo” một phần nào đó cũng có mặt trái ở chỗ ta hay loay hoay “cải tiến”, làm tắt, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ. Trong một xã hội công nghiệp và “hậu công nghiệp”, những khuyết tật ấy sẽ là những vật cản ghê gớm.*

(Vũ Khoan, Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, SGK Ngữ văn 8, tập 1, Bộ sách Cánh diều)

Câu 1 (1,0 điểm): Chỉ ra hai đặc trưng của thể loại nghị luận xã hội trong văn bản trên?

Câu 2 (1,0 điểm): Theo tác giả của văn bản trên, đâu là những điểm mạnh và điểm yếu của người Việt Nam?

Câu 3 (1,0 điểm): Xác định chức năng của hai thành ngữ được sử dụng trong văn bản trên?

Câu 4 (1,0 điểm): Những từ in đậm “**điều đó**”, “**người Việt Nam**” thực hiện phép liên kết gì trong văn bản?

Câu 5 (1 điểm): Từ nội dung văn bản trên, em sẽ làm gì với những điểm mạnh và điểm yếu của bản thân mình (Viết trong khung từ 3-5 câu)

II. PHẦN VIẾT (5.0 điểm)

Hiện nay, có rất nhiều bạn học sinh lơ là, lười biếng trong học tập. Em hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về vấn đề trên; đồng thời, đề ra phương pháp học tập hiệu quả.

HẾT

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Chữ kí giám thị 1:

NGŨ VĂN 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK II. (Hình thức: tự luận)

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc hiểu tích hợp tiếng Việt	1. Văn bản nghị luận: Nghị luận xã hội. 2. Tục ngữ 3. Tiếng Việt: - Đặc điểm và chức năng của Liên kết trong văn bản, thành ngữ, tục ngữ. - Các biện pháp tu từ Nói quá, Nói giảm nói tránh. <i>*Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu:</i> 01 đoạn trích/văn bản hoàn chỉnh; tương đương với văn bản được học chính thức trong chương trình Ngữ văn lớp 7 (ngoài bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).	Số câu : 2 Tỉ lệ:20%	Số câu : 2 Tỉ lệ: 15%	Số câu : 1 Tỉ lệ:15%	50 %
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống	20%	15%	15%	50%
Tổng			40%	30%	30%	100%
Tỉ lệ			40%	30%	30%	100%
Tỉ lệ chung			70%		30%	100%

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - MÔN NGỮ VĂN 7

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng %
1	Đọc hiểu tích hợp tiếng Việt	1. Văn bản nghị luận: Nghị luận xã hội. 2. Tiếng Việt: - Đặc điểm và chức năng của Liên kết trong văn bản, thành ngữ, tục ngữ. - Các biện pháp tu từ Nói quá, Nói giảm nói tránh.	Nhận biết: - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống. - Nhận biết nói quá, nói giảm nói tránh; phép liên kết câu Thông hiểu: - Hiểu được đặc điểm, chức năng của thành ngữ. - Hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản. - Hiểu tác dụng của các biện pháp tu từ. Vận dụng: - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản. - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của văn bản.	Số câu : 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu : 2 Tỉ lệ: 15%	Số câu : 1 Tỉ lệ: 15%	50%
2	Viết	V Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống. - Xác định được bố cục bài văn, vấn đề, lí lẽ, bằng chứng, - Giới thiệu được vấn đề nghị luận Thông hiểu: - Trình bày được lí lẽ, bằng	20%			50%

		chúng để làm sáng tỏ ý kiến. - Cần có sự lựa chọn phù hợp các lí lẽ, bằng chứng. Vận dụng: - Vận dụng kiến thức, kĩ năng để viết bài văn NLXH. - Có cách trình bày sáng tạo, hấp dẫn, lôi cuốn; sử dụng các từ ngữ để lập luận. - Lập luận chặt chẽ, bằng chứng thuyết phục ...		15%		
					15%	
	Tổng		40%	30%	30%	100%
	Tỉ lệ %		40%	30%	30%	100%
	Tỉ lệ chung		70%	30%	100%	

III. ĐỀ KIỂM TRA

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Cái mạnh của người Việt Nam ta là sự cần cù, sáng tạo. Điều đó thật hữu ích trong một nền kinh tế đòi hỏi tinh thần kỷ luật rất cao và thái độ rất nghiêm túc đối với công cụ và quy trình lao động với những máy móc, thiết bị rất tinh vi. Tiếc rằng ngay trong mặt mạnh này của chúng ta cũng lại ẩn chứa những khuyết tật không tương tác chút nào với một nền kinh tế công nghiệp hoá chứ chưa nói tới nền kinh tế tri thức. Người Việt nam ta cần cù thì cần cù thật nhưng lại thiếu đức tính tỉ mỉ. Khác với người Nhật vốn cũng nổi tiếng cần cù lại thường rất cẩn trọng trong khâu chuẩn bị công việc, làm cái gì cũng tính toán chi li từ đầu, người Việt Nam ta thường dựa vào tính tháo vát của mình, hành động theo phương châm “nước đến chân hãy nhảy”, “liệu cơm gắp mắm”. Do còn chịu ảnh hưởng nặng nề của phương thức sản xuất nhỏ và cách sống ở nơi thôn dã vốn thoải mái và thanh thản nên người Việt Nam chưa có được thói quen tôn trọng những quy định nghiêm ngặt của công việc là cường độ khẩn trương. Ngay bản tính “sáng tạo” một phần nào đó cũng có mặt trái ở chỗ ta hay loay hoay “cải tiến”, làm tắt, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ. Trong một xã hội công nghiệp và “hậu công nghiệp”, những khuyết tật ấy sẽ là những vật cản ghê gớm.

(Vũ Khoan, Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới)

Câu 1 (1,0 điểm): Chỉ ra hai đặc trưng của thể loại nghị luận xã hội trong văn bản trên?

Câu 2 (1,0 điểm): Theo tác giả của văn bản trên, đâu là những điểm mạnh và điểm yếu của người Việt Nam?

Câu 3 (1,0 điểm): Xác định chức năng của hai thành ngữ được sử dụng trong văn bản trên?

Câu 4 (1,0 điểm): Những từ in đậm “điều đó”, “người Việt Nam” thực hiện phép liên kết gì trong văn bản?

Câu 5 (1 điểm): Từ nội dung văn bản trên, em sẽ làm gì với những điểm mạnh và điểm yếu của bản thân mình (Viết trong khoảng từ 3-5 câu)

II. VIẾT (5,0 điểm):

Hiện nay, có rất nhiều bạn học sinh lơ là, lười biếng trong học tập. Em hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về vấn đề trên; đồng thời, đề ra phương pháp học tập hiệu quả.

IV- HƯỚNG DẪN CHẤM NGŨ VĂN 7

I. HƯỚNG DẪN CHẤM PHẦN ĐỌC HIỂU

Câu	Nội dung	Điểm
1	Hai đặc điểm của văn bản nghị luận trong đoạn văn trích từ <i>Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới</i>: (1) Bàn về vấn đề: <i>những điểm mạnh, điểm yếu của người Việt Nam.</i> (2) Có hệ thống luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng rõ ràng, cụ thể, thuyết phục người đọc *Mức 3: nêu đủ 2 ý (1.0 đ) *Mức 2: nêu được ý 1 hoặc (2) (0. 5 đ) *Mức 1: nêu được một trong hai ý nhưng chưa đầy đủ (0.25) *Mức 0: không nêu được ý nào hoặc trả lời sai.	1.0
2	(1) Điểm mạnh của người Việt Nam: cần cù, sáng tạo, tháo vát (2) Điểm yếu của người Việt Nam: thiếu tính tỉ mỉ, hành động theo phương châm nước đến chân hãy nhảy; <i>chưa có được thói quen tôn trọng những quy định nghiêm ngặt của công việc; hay loay hoay "cải tiến", làm tắt, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ</i> *Mức 3: nêu đủ 2 ý (1.0 đ) *Mức 2: nêu được 1 ý (0.5 đ) *Mức 1: nêu thiếu ý: (0.25 đ) *Mức 0: không nêu được ý nào hoặc trả lời sai.	1.0
3	- Hai thành ngữ: nước đến chân hãy nhảy; liệu cơm gắp mắm - Chức năng: cả hai thành ngữ đều làm phụ ngữ trong cụm từ *Mức 3: hiểu và xác định đủ chức năng của hai thành ngữ (1.0 đ) *Mức 2: hiểu và xác định được chức năng 1 thành ngữ (0.5 đ) *Mức 1: có đưa ra được thành ngữ nhưng không xác định chức năng: (0.25 đ) *Mức 0: không xác định được chức năng thành ngữ nào hoặc trả lời sai.	0.75
4	Hiểu và phân tích được phép liên kết - Từ in đậm “điều đó”: thực hiện phép thế - Từ in đậm “người Việt Nam”: thực hiện phép lặp	0.75

	*Mức 2: trình bày 2 ý (1.0 đ) *Mức 1: trình bày một trong hai ý (0.5 đ) *Mức 0: không trình bày được hoặc trả lời sai.	
5	- HS vận dụng, viết khoảng 3 đến 5 câu trình bày những điều bản thân sẽ làm với những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. Gợi ý: + <i>Nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân</i> + <i>Phát huy những mặt mạnh, hạn chế những mặt yếu.</i> + <i>Cố gắng rèn luyện để loại trừ những mặt yếu, giữ gìn và bồi dưỡng mặt mạnh để trở thành những con người có ích cho xã hội...</i> *Mức 3: trình bày đúng, đầy đủ (1.0 đ) *Mức 2: trình bày 2 ý (0.75 đ) *Mức 1: chỉ nêu ý chung (0.5 đ) *Mức 0: không trình bày được hoặc trả lời sai.	1.5

II. HƯỚNG DẪN CHẤM PHẢN VIẾT NLXH (Rubric)

Tiêu chí	Mức 4 (5.0 điểm)	Mức 3 (4.0 điểm)	Mức 2 (2.5 điểm)	Mức 1 (1.0 điểm)
1. Đảm bảo cấu trúc nghị luận xã hội về đời sống (10%)	Bài viết đầy đủ ba phần: Mở bài, Thân bài và Kết bài; Mở bài và Kết bài có dung lượng cân đối; phần mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề; phần thân bài biết tổ chức thành nhiều luận điểm, hệ thống luận điểm được làm sáng tỏ, thuyết phục; phần kết bài khẳng định lại vấn đề và thể hiện được nhận thức cá nhân	Đầy đủ ba phần nhưng Mở bài và Kết bài có dung lượng không cân đối; thân bài biết tổ chức nhưng chưa đầy đủ như Mức 4	Bài viết không đầy đủ ba phần (thiếu Mở bài hoặc Kết bài), hoặc thân bài không đạt yêu cầu Mức 3	- Bài viết không có cấu trúc ba phần - Chỉ viết được một số câu.
2. Xác định vấn đề (5%)	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận; thể hiện rõ quan điểm về tình trạng lười học; khẳng định về ý nghĩa của những phương pháp học tập hiệu quả	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận; thể hiện nhưng chưa rõ như Mức 4	Xác định không rõ hoặc không phù hợp	Không xác định được hoặc xác định sai vấn đề
3. Hệ	Bài viết sắp xếp, triển khai khéo léo trình tự	Bài viết	Bài viết	Bài viết

thống luyện điểm, lí lẽ hợp lý (50%)	các quan điểm; quan điểm phản bác, lí lẽ và dẫn chứng theo đúng yêu cầu của kiểu bài, có thể triển khai các luận điểm như sau: I. Mở bài/ Giới thiệu vấn đề - Giới thiệu thực trạng lười học của một bộ phận học sinh hiện nay. - Khẳng định sự cần thiết của những phương pháp học tập hiệu quả để nâng cao chất lượng giáo dục. II. Thân bài / Giải quyết vấn đề - Định nghĩa và biểu hiện của lười học + Lười học là thái độ chểnh mảng, thiếu tinh thần tự giác trong học tập. + Không làm bài tập, không chuẩn bị bài trước khi đến lớp. + Mất tập trung, lơ là trong giờ học. + Dựa dẫm vào bạn bè, học đối phó, quay cóp khi kiểm tra. + Dành quá nhiều thời gian vào giải trí (game, mạng xã hội) mà không chú trọng việc học. - Nguyên nhân dẫn đến lười học • Nguyên nhân chủ quan: + Thiếu ý thức, chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc học. + Lười biếng, dễ bị cám dỗ bởi các hoạt động giải trí. + Phương pháp học không phù hợp, gây chán nản. • Nguyên nhân khách quan: + Gia đình chưa quan tâm đúng mức đến việc học của con cái. + Ảnh hưởng từ bạn bè có thái độ học tập tiêu cực. + Môi trường giáo dục chưa thực sự tạo động lực cho học sinh. - Hậu quả của lười học + Kết quả học tập giảm sút, mất kiến thức căn bản. + Hạn chế cơ hội phát triển trong tương lai. + Dễ bị cuốn vào những thói quen xấu, mất phương hướng trong cuộc sống. - Dẫn chứng tiêu biểu + Dẫn chứng về những học sinh lười học dẫn đến hậu quả đáng tiếc. + Đối lập với đó, những tấm gương vượt khó,	sắp xếp hợp lí trình tự các quan điểm, quan điểm phản bác, lí lẽ và dẫn chứng theo đúng yêu cầu của kiểu bài. Nêu và triển khai được từ 2- 3 luận điểm. Hoặc nêu được đủ các luận điểm nhưng triển khai chưa đầy đủ, hợp lý	sắp xếp tương đồng hợp lí trình tự các quan điểm, lí lẽ và dẫn chứng theo đúng yêu cầu của kiểu bài nhưng chỉ triển khai được từ 1-2 luận điểm. và triển khai chưa đầy đủ, hợp lý	không được tổ chức một cách hợp lí, không đúng yêu cầu của kiểu bài. Không nêu rõ luận điểm, hoặc các luận điểm không liên quan tới vấn đề

	chăm chỉ học tập để thành công. - Một số phương pháp học tập hiệu quả + Xây dựng tinh thần tự giác, lập kế hoạch học tập khoa học. + Kết hợp học tập và giải trí hợp lý, tránh sa đà vào các trò chơi vô bổ. + Chủ động trao đổi với giáo viên, bạn bè để hiểu sâu bài học. + Rèn luyện kỹ năng ghi nhớ, tư duy phản biện. III. Kết bài/ Khẳng định vấn đề + Liên hệ bản thân, rút ra bài học từ vấn đề đã bàn luận. + Khẳng định lại tầm quan trọng của ý thức học tập. + Đưa ra thông điệp có ý nghĩa về giá trị của việc học + kêu gọi mọi người tránh xa thói lười học, nỗ lực và chăm chỉ hơn trong học tập <i>(HS có thể trình bày theo cách khác nhưng đảm bảo các nội dung phù hợp)</i>			
4. Biết lập luận làm sáng tỏ vấn đề (5%)	- Luận điểm phù hợp, rõ ràng, sâu sắc và tất cả được chứng minh bằng lí lẽ và dẫn chứng. - Hệ thống lí lẽ hợp lí, sâu sắc, được củng cố bằng dẫn chứng; lí lẽ được triển khai bằng các phương pháp lập luận hợp lí và từ ngữ lập luận đa dạng, chặt chẽ, thuyết phục <i>(HS có thể trình bày theo cách khác nhưng đảm bảo các nội dung phù hợp)</i>	- Luận điểm phù hợp, tương đối rõ ràng, sâu sắc và hầu hết được chứng minh - Hệ thống lí lẽ hợp lí, lập luận tương đối chặt chẽ nhưng chưa thuyết phục cao	- Luận điểm không phù hợp, không chứng minh, - Hệ thống lí lẽ chưa hợp lí, chưa chặt chẽ thiếu thuyết phục	Không nêu được luận điểm Không biết cách tổ chức hệ thống lí lẽ kết hợp với dẫn chứng để chứng minh
5. Biết chọn các dẫn chứng minh họa (10%)	- Dẫn chứng phù hợp với luận điểm, tiêu biểu, phong phú - Dẫn chứng được phân tích thấu đáo gắn với lí lẽ	Dẫn chứng được phân tích nhưng chưa thấu đáo, hầu hết	Dẫn chứng không phân tích, không trích dẫn	Không đưa ra được hoặc dẫn chứng không phù hợp

		được trích dẫn nguyên văn	nguyên văn	
6. Sử dụng các yếu tố hỗ trợ (5%)	Sử dụng đầy đủ các yếu tố hỗ trợ phù hợp để tăng sức thuyết phục, hấp dẫn	Sử dụng các yếu tố hỗ trợ phù hợp để tăng sức thuyết phục,	Sử dụng nhưng chưa thuyết phục, hấp dẫn	Không sử dụng các yếu tố hỗ trợ
7. Diễn đạt (5%)	- Diễn đạt trong sáng, rõ ràng, mạch lạc, sâu sắc đảm bảo tốt các yêu cầu về viết đoạn, đặt câu, dùng từ - Hầu như không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	Diễn đạt trong sáng, đảm bảo tốt các yêu cầu về viết đoạn. Mắc ít lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	Nhiều đoạn không phù hợp với đề bài. Mắc trên 5 lỗi chính tả, dùng từ,	- Không tạo lập được bài viết rõ ràng - Mắc hơn 10 lỗi ,
8. Sáng tạo (10%)	Có những ý kiến riêng hợp lý và có cách diễn đạt mới mẻ, độc đáo, hấp dẫn	Có những ý kiến riêng hợp lý và có cách diễn đạt mới mẻ	Có ý kiến riêng nhưng chưa hợp lý	Không đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không hợp lý

Người ra đề

Hà Thị Di Phương